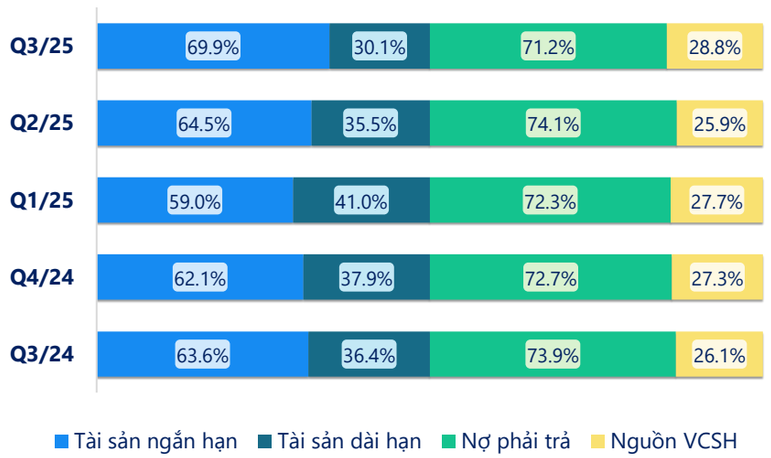
FireAnt

Tổng Công ty Xây dựng Số 1 - CTCP (UPCOM: CC1)

Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	32,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	36,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	12,529
SL cổ phiếu LH	397,568,300
KLGD BQ 20 phiên (CP)	5,335
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	12,722
P/E	34.8
EPS	920

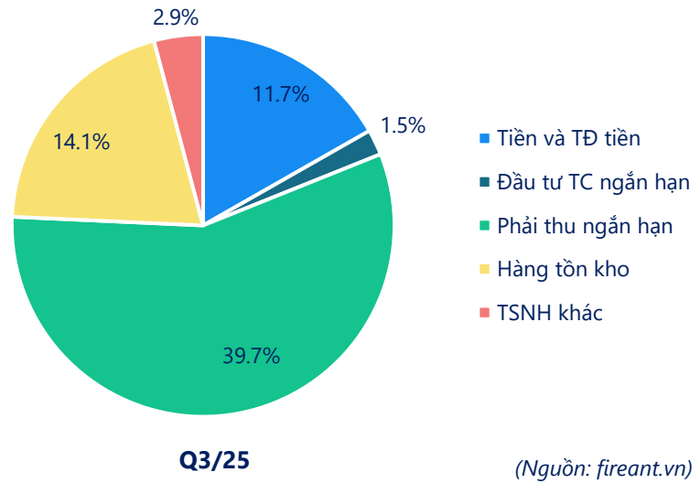
	YTD	1T	3T	6T
CC1	121.9%	8.5%	16.4%	108.8%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



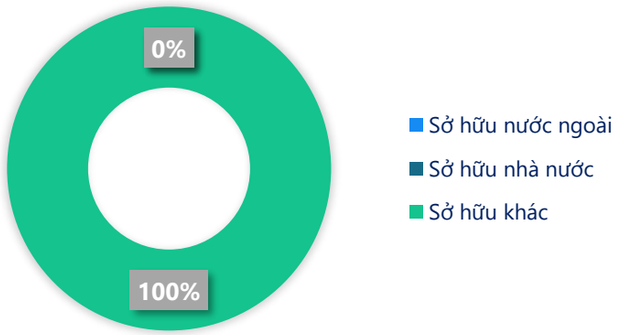
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



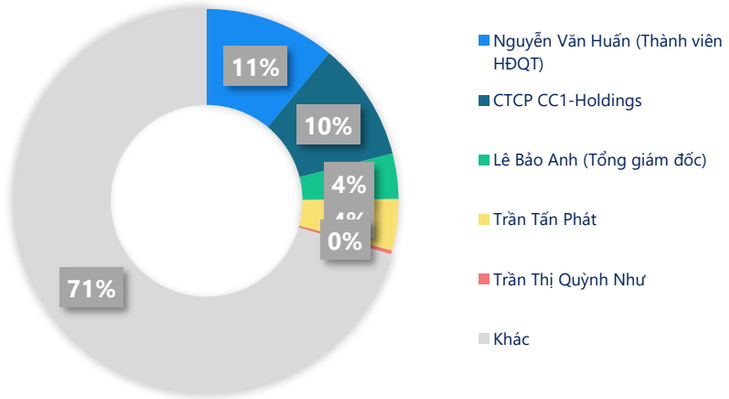
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



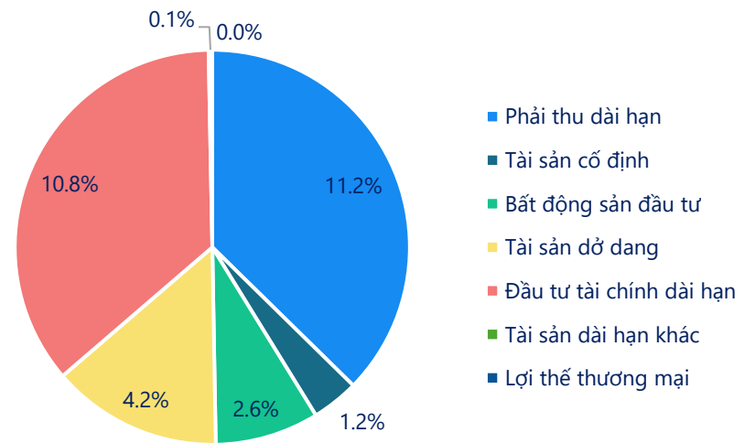
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

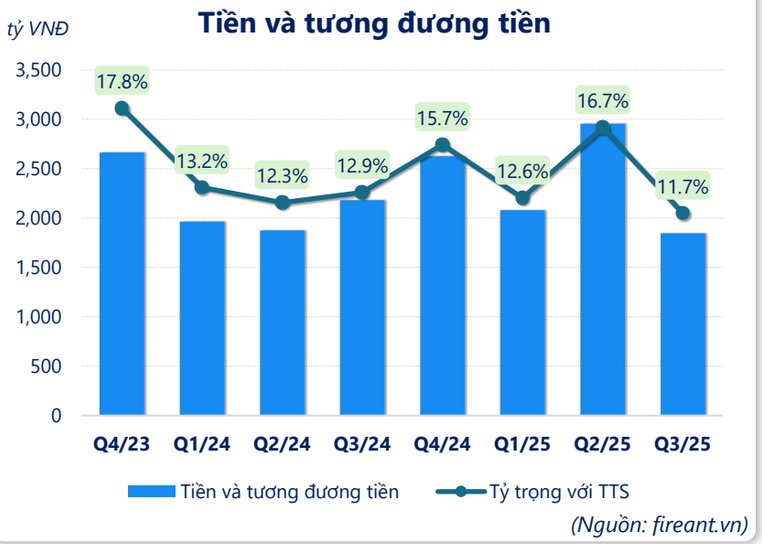


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

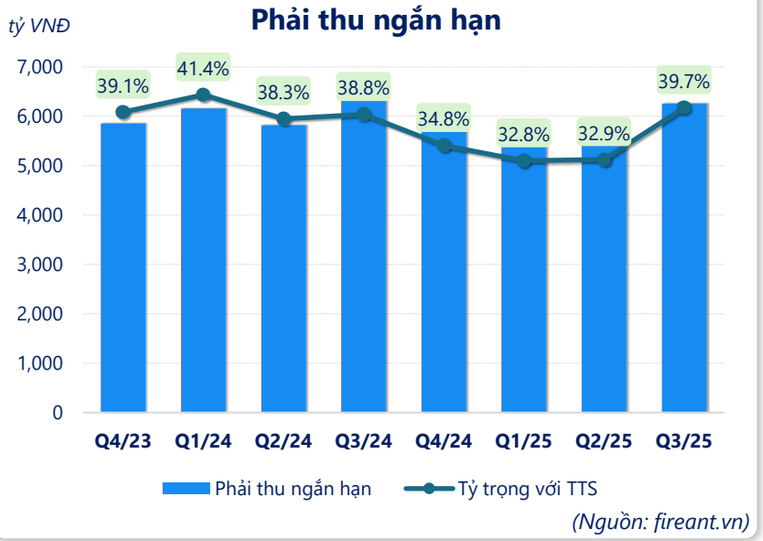
Tổng Công ty Xây dựng Số 1 - CTCP (UPCOM: CC1)

Tiền và tương đương tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



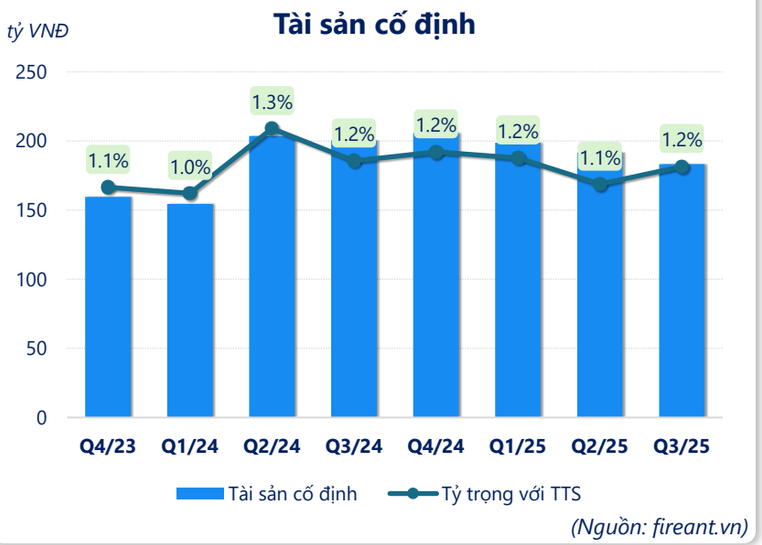
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



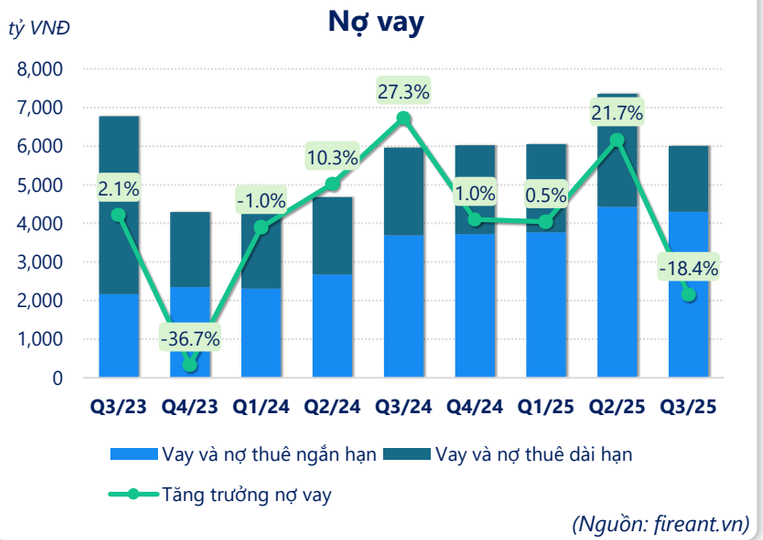
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



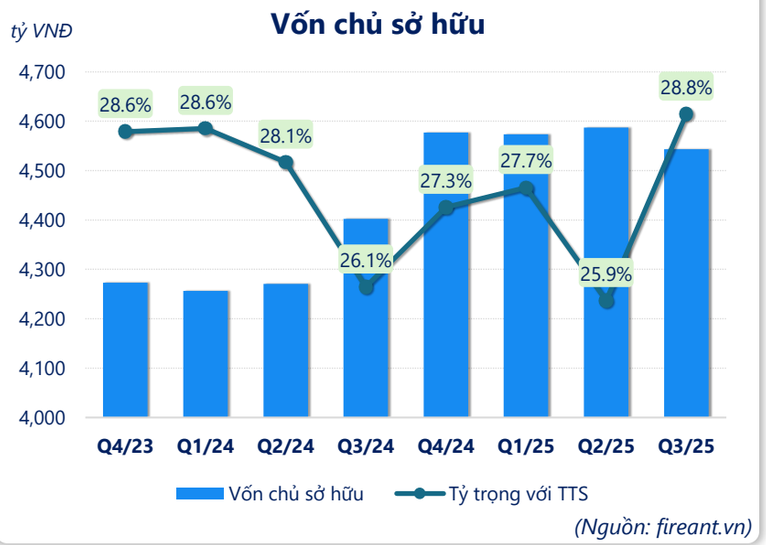
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

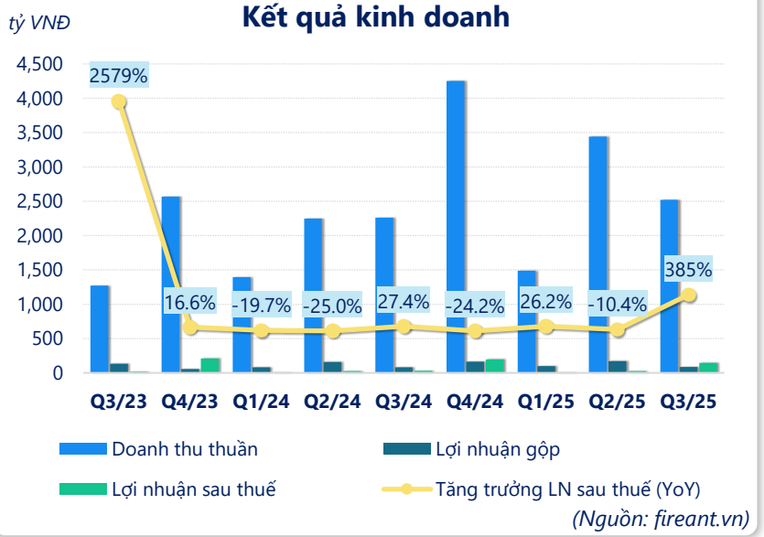
Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

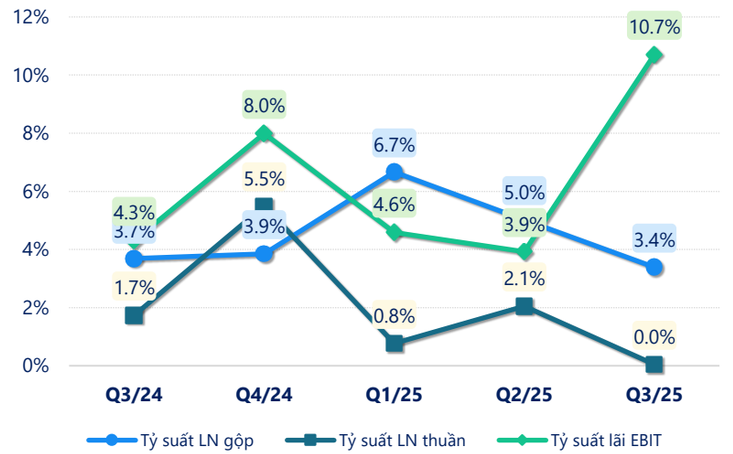
Tổng Công ty Xây dựng Số 1 - CTCP (UPCOM: CC1)

Kết quả kinh doanh



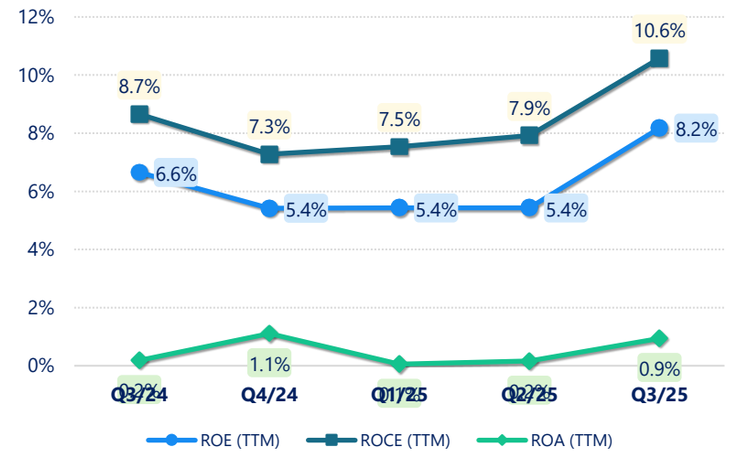
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



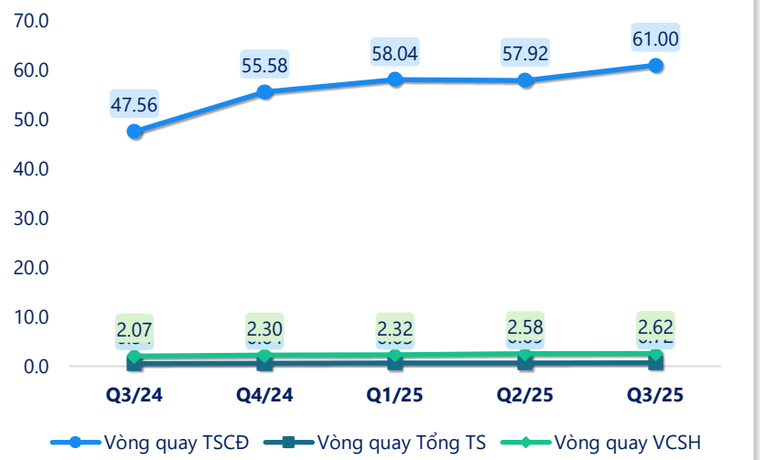
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



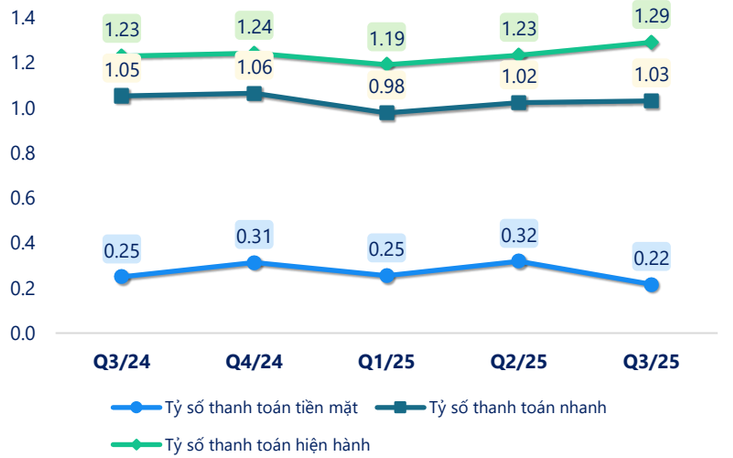
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



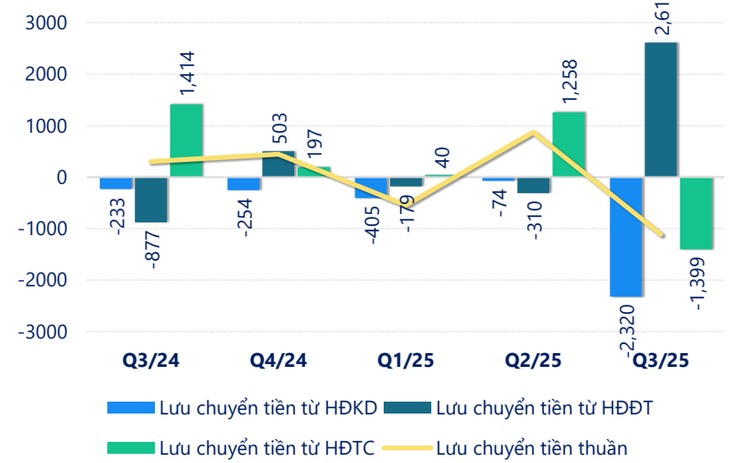
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

FireAnt

Tổng Công ty Xây dựng Số 1 - CTCP (UPCOM: CC1)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**15,759**	**16,728**	**-5.8%**
Tài sản ngắn hạn	11,016	10,382	6.1%
Tiền và tương đương tiền	1,846	2,625	-29.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	238	91.1	161%
Phải thu ngắn hạn	6,257	5,800	7.9%
Hàng tồn kho	2,218	1,495	48.4%
Tài sản ngắn hạn khác	456	372	22.5%
Tài sản dài hạn	**4,743**	**6,346**	**-25.3%**
Phải thu dài hạn	1,771	2,041	-13.2%
Tài sản cố định	183	206	-11.0%
Bất động sản đầu tư	404	431	-6.4%
Tài sản dở dang	663	2,853	-76.8%
Đầu tư tài chính dài hạn	1,708	754	126%
Tài sản dài hạn khác	**14.2**	**59.8**	**-76.2%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	11,216	12,164	-7.8%
Nợ ngắn hạn	**8,535**	**8,370**	**2.0%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	4,299	3,722	15.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	1,202	1,712	-29.8%
Nợ dài hạn	2,681	3,793	-29.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	1,705	2,298	-25.8%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**4,543**	**4,564**	**-0.5%**
Vốn chủ sở hữu	**4,543**	**4,564**	**-0.5%**
Vốn điều lệ	3,979	3,585	11.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	2,260	4,253	1,488	3,443	2,519
Giá vốn hàng bán	2,177	4,089	1,389	3,271	2,434
Lợi nhuận gộp	83.5	164	99.2	173	85.4
Doanh thu HĐTC	81.1	223	21.1	86.7	99.0
Chi phí TC	64.6	100.0	59.6	139	91.1
Chi phí lãi vay	59.9	94.3	56.2	100	87.0
LN trong công ty LKLD	-1.45	0.12	0.65	1.65	9.87
Chi phí bán hàng	1.71	2.72	3.51	0.66	0
Chi phí QLDN	57.4	50.2	46.4	51.2	102
LN thuần từ HĐKD	39.3	234	11.4	70.7	1.17
Lợi nhuận khác	-1.83	11.6	0.72	-35.7	182
LN trước thuế	37.5	245	12.1	34.9	183
Lợi nhuận sau thuế	29.3	195	9.28	28.2	145
LNST của CĐ cty mẹ	29.0	176	8.82	27.0	154

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-233	-254	-405	-74.1	-2,320
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-877	503	-179	-310	2,611
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	1,414	197	40.1	1,258	-1,399
Tiền đầu kỳ	1,875	2,180	2,625	2,081	2,955
Lưu chuyển tiền thuần	**305**	**445**	**-544**	**874**	**-1,108**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.02	0.00	0.19	0.13
Tiền cuối kỳ	2,180	2,625	2,081	2,955	1,846

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic